

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2025/DS-ST
Ngày: 30-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân N.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân H

2. Ông Vũ Hòa A

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 644/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST-DS ngày 09/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử số 24/2025/QĐST-DS ngày 26/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1962; hộ khẩu thường trú: Tổ 2, ấp R, phường A, thành phố B, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã T, huyện D, tỉnh B.

- Người làm chứng:

1. Bà Võ Thị T, sinh năm 1956; hộ khẩu thường trú: Tổ 2, ấp R, xã T, huyện D, tỉnh B.

2. Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã T, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T có mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Võ Thị T vắng mặt. Bà Huỳnh Thị Thu H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn (bà Đỗ Thị Kim T) trình bày:

Hiện nay bà Đỗ Thị Kim T đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, ấp R, phường A, thành phố B, tỉnh B.

Bà Đỗ Thị Kim T trước đây có mối quan hệ quen biết nhau đối với ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện D, tỉnh B.

Theo chứng cứ xác nhận nợ ngày 31/3/2020, bà Thoa có cho ông Nguyễn Thành T vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và ông Nguyễn Thành T là người lập văn bản này, sau đó tự nguyện ký tên xác nhận. Khi vay tiền thì ông Nguyễn Thành T nói sử dụng số tiền này vào mục đích làm ăn cá nhân.

Bà Huỳnh Thị Thu H quan hệ là vợ của ông Nguyễn Thành T. Nội dung trả nợ số tiền 70.000.000 đồng ngày 22/6/2020, chứng cứ này do bà Huỳnh Thị Thu H lập tại nhà của bà H sau khi thanh toán xong số tiền 70.000.000 đồng cho bà Đỗ Thị Kim T. Số tiền 70.000.000 đồng mà bà Huỳnh Thị Thu H thay mặt ông Nguyễn Thành T trả nợ cho bà T nằm trong tổng số tiền vay 100.000.000 đồng ngày 31/3/2020. Lý do bà H thanh toán số tiền 70.000.000 đồng này cho bà T do ông T bị khởi tố vụ án hình sự vì có hành vi “Đánh bạc” nên Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xử phạt chấp hành hình phạt tù nên bà T có đến nhà bà Huỳnh Thị Thu H để yêu cầu thanh toán số tiền này.

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954 và bà Võ Thị T, sinh năm 1956; cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp R, xã T, huyện D, tỉnh B có quan hệ là cha, mẹ ruột của ông Nguyễn Thành T. Quá trình chung sống có 05 người con chung tên: Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1975; Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1977; Ông Nguyễn Văn T (không rõ năm sinh); Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985. Ngày 24/01/2021, bà T có đến nhà ông Nguyễn Văn M và bà Võ Thị T để yêu cầu trả nợ thay cho ông T số tiền còn lại 30.000.000 đồng, sau đó bà Võ Thị T đồng ý trả nợ cho bà T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và ký tên xác nhận. Đồng thời bà Võ Thị T cam kết với bà T sẽ thanh toán số tiền còn lại 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) vào ngày 30/01/2021. Chứng cứ này là chữ viết của bà Võ Thị T được lập tại nhà của bà Võ Thị T. Tuy nhiên đến ngày 30/01/2021 cho đến nay gia đình ông Nguyễn Thành T không thanh toán số tiền còn nợ lại 10.000.000 đồng nên bà T mới làm đơn kiện tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

Số tiền vay 100.000.000 đồng ngày 31/3/2020 thì bà T không có tính lãi suất gì đối với ông T. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T yêu cầu ông Nguyễn Thành T thanh toán số tiền nợ còn lại 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn (ông Nguyễn Thành T) trình bày: Do phía bị đơn không có mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/3/2025, người làm chứng (bà Huỳnh Thị Thu H) trình bày:

Bà Huỳnh Thị Thu H đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp R, xã T, huyện D, tỉnh B nhưng hiện nay đang sinh sống tại ấp X, xã T, huyện D, tỉnh B.

Trước đây bà và ông Trọng có quan hệ là vợ chồng nhưng đến năm 2024 thì bà H làm đơn ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B. Sau đó, hai bên thuận tình ly hôn theo quyết định số 135/2024/QĐCNTTLH ngày 29/7/2024 của Tòa án và hiện nay bà H đã dọn ra ở trọ tại ấp X, xã T, huyện D, tỉnh B.

Theo chứng cứ xác nhận nợ ngày 31/3/2020, bà có cho ông T vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và ông T ký tên xác nhận. Việc ông T vay số tiền này để sử dụng vào mục đích gì thì bà H hoàn toàn không biết. Sau đó, ông T đi chấp hành án phạt tù vì có hành vi phạm tội “Đánh bạc” nên bà T đến nhà gặp bà H yêu cầu thanh toán số tiền này. Mỗi lần bà T đến nhà thì chửi mắng và quậy phá ảnh hưởng đến cuộc sống và tinh thần của bà H và con gái tên Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2005 nên bà H phải đi vay mượn của người khác được số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) thanh toán cho bà T và ký tên xác nhận vào ngày 22/6/2020. Nội dung trả nợ số tiền 70.000.000 đồng ngày 22/6/2022 là chữ viết do bà H lập tại nhà của bà H khi thanh toán xong số tiền 70.000.000 đồng cho bà T.

Số tiền 100.000.000 đồng, ông T vay của bà T sử dụng vào mục đích gì phía bà H không biết ông T sử dụng vào mục đích gì và cũng không liên quan gì đến bà H.

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954 và bà Võ Thị T, sinh năm 1956; cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp R, xã T, huyện D, tỉnh B có quan hệ là cha, mẹ ruột của ông T. Quá trình chung sống có 05 người con chung tên: Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1975; Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1977; Ông Nguyễn Văn (không rõ năm sinh); Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985. Bà Hiền có nghe thông tin từ bà Võ Thị T (quan hệ là mẹ chồng của bà H) kể lại là ngày 24/01/2021 có trả nợ cho bà T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và ký tên xác nhận. Còn lại 10.000.000 đồng thì bà H không biết ông T đã thanh toán cho bà T chưa. Nội dung thanh toán số tiền 20.000.000 đồng ngày 24/11/2021 là chữ viết của bà Võ Thị T lập.

Hiện nay bà T làm đơn kiện ông Trọng yêu cầu thanh toán số tiền 10.000.000 đồng thì bà H có ý kiến đây là số tiền ông T vay của bà T sử dụng vào mục đích cá nhân và hoàn toàn không liên quan gì đến gia đình khi hai vợ chồng còn chung sống với nhau nên đây là nghĩa vụ trả nợ của ông T đối với bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B phát biểu tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành T phải thanh toán số tiền vay 10.000.000 đồng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự (vay tài sản). Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật.

- Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy:

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 31/3/2020, ông Nguyễn Thành T vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng từ bà Đỗ Thị Kim T. Sau đó, ông Nguyễn Thành T phải đi chấp hành án phạt tù về hành vi phạm tội “Đánh bạc”. Ngày 22/6/2020, bà Huỳnh Thị Thu H, vợ của ông Nguyễn Thành T, đã thay ông Nguyễn Thành T trả 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Ngày 24/1/2021, bà Võ Thị T, mẹ của ông Nguyễn Thành T, đã thay ông Nguyễn Thành T trả 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và hẹn 30/1/2021 thì ông T sẽ trả số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng còn lại. Phần vay này thì nguyên đơn Đỗ Thị Kim T không có tính lãi suất đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T.

Hiện nay, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T cho rằng, dù bị đơn ông Nguyễn Thành T đã chấp hành xong án phạt tù, và bà Đỗ Thị Kim T đã nhiều lần yêu cầu thanh toán số tiền trên nhưng bị đơn vẫn cứ hứa hẹn, trốn tránh nghĩa vụ không trả nợ nên khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành T trả số tiền vay trên.

Như vậy, giữa nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T và bị đơn ông Nguyễn Thành T có tồn tại hợp đồng dân sự vay tài sản không kỳ hạn, không có lãi, việc bị đơn ông Nguyễn Thành T đã chấp hành xong án phạt tù nhưng không thanh toán số tiền vay trên đã vi phạm sự thỏa thuận của các bên, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ đối với số tiền phải thanh toán là 10.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Tòa án thu thập và quy định định của pháp luật tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành T trả nợ số tiền vay 10.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đã nêu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện phía bị đơn ông Nguyễn Thành T đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp R, xã T, huyện D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thành T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành T theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo chứng cứ xác nhận nợ ngày 31/3/2020, bà Đỗ Thị Kim T có cho ông Nguyễn Thành T vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) không xác định thời hạn trả nợ, không tính lãi suất và ông Nguyễn Thành T là người lập văn bản này, sau đó tự nguyện ký tên xác nhận. Khi vay tiền thì ông Nguyễn Thành T nói sử dụng số tiền này vào mục đích làm ăn cá nhân. Tuy nhiên sau đó, do ông T bị khởi tố vụ án hình sự vì có hành vi “Đánh bạc” nên Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xử phạt bằng hình phạt tù nên bà T có đến nhà bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã T, huyện D, tỉnh B (quan hệ là vợ của ông T) để yêu cầu thanh toán số tiền này. Vì vậy, ngày 22/6/2020, bà Huỳnh Thị Thu H đã thanh toán cho bà T số tiền 70.000.000 đồng. Nội dung trả nợ số tiền 70.000.000 đồng, chứng cứ này do bà Huỳnh Thị Thu H lập tại nhà của bà H trên cùng tờ giấy thể hiện số tiền vay 100.000.000 đồng ngày 31/3/2020.

Đến ngày 24/01/2021, bà T có đến nhà ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954 và bà Võ Thị T, sinh năm 1956; cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp R, xã T, huyện D, tỉnh B có quan hệ là cha, mẹ ruột của ông Nguyễn Thành T để yêu cầu trả nợ thay cho ông T số tiền còn lại 30.000.000 đồng, sau đó bà Võ Thị T đồng ý trả nợ cho bà T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và ký tên xác nhận. Đồng thời bà Võ Thị T cam kết với bà Thoa sẽ thanh toán số tiền còn lại 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) vào ngày 30/01/2021. Chứng cứ này là chữ viết của bà Võ Thị T được lập tại nhà của bà Võ Thị T. Như vậy, tổng số tiền mà phía bà Huỳnh Thị Thu H, bà Võ Thị T đã thay mặt ông Nguyễn Thành T thanh toán cho bà Đỗ Thị Kim T là 90.000.000 đồng và hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người làm chứng bà Huỳnh Thị Thu H. Tuy nhiên đến ngày 30/01/2021 cho đến nay gia đình ông Nguyễn Thành T không thanh toán số tiền còn nợ lại 10.000.000 đồng nên bà Thoa mới làm đơn kiện tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T tiếp tục yêu cầu ông Nguyễn Thành Tg thanh toán số tiền nợ còn lại 10.000.000 đồng vì cho rằng ông T đã chấp hành xong hình phạt tù và trở về địa phương sinh sống nhưng bị đơn cứ hứa hẹn nhiều lần không thực hiện thỏa thuận trả nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến gì để chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài, liệu chứng xem như đã từ bỏ quyền lợi của mình quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, ông Nguyễn Thành T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ là vi phạm các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 68, 147, 186, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim T đối với ông Nguyễn Thành T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Thành T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị Kim T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Đỗ Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Nguyễn Thành T chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành T phải nộp số tiền 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 30/5/2025).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân N